TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34 /2018/DS-ST
Ngày: 18 / 7 / 2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Tài**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Ngô Thanh Dũng.**

- Ông **Chau Cương.**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thành**, Cán bộ Tòa án.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 135/2016/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2016 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐST-DS ngày 05 tháng 09 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2018 ngày 05/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Quỹ tín dụng nhân dân B**, địa chỉ: Tổ 1, khóm T, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang có ông Nguyễn Tấn P, chức vụ Tổ trưởng Tổ tín dụng Quỹ tín dụng nhân dân B đại diện theo uỷ quyền (giấy ủy quyền ngày 04/10/2016).

Bị đơn:

1- Ông Lê Văn H, sinh năm 1971. (vắng mặt)

2- Bà Trần Thị Thanh D, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Minh N, sinh năm 1973; Địa chỉ: khóm T, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/10/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tấn P trình bày:

Ngày 27/8/2013, ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh D có ký Hợp đồng tín dụng số 1074CTC13 với Quỹ tín dụng nhân dân B để vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 13 tháng, lãi suất trong hạn 1,3%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1.95%/tháng, thời hạn trả cuối cùng ngày 27/9/2014, mục đích vay nuôi bò vỗ béo. Để đảm bảo cho việc vay nợ ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh D có thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn hoặc bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số GD: 0101 ngày 26/8/2013 là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 12/HĐKT-NTB ngày 16/3/2012, lô số 02, đường số 06, nền số 3,4 diện tích 172,5m^2, đất ở đô thị tọa lạc tại khóm X, thị trấn T giữa ông Lê Văn H đứng tên chủ quyền chuyển nhượng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M .

Từ lúc vay đến nay ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh D không có đóng lãi cũng như hoàn trả vốn cho Qũy tín dụng B. Do ông H, bà D vi phạm hợp đồng tín dụng nói trên nên yêu cầu ông H, bà D phải thanh toán dứt điểm số nợ gốc 500.000.000đ và lãi tính từ ngày 27/8/2013 đến ngày 18/7/2018 là 542.533.000đ, cộng chung vốn lãi là 1.042.533.000đ. Đồng thời yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp tài sản của ông H, bà D để đảm bảo việc thi hành án.

Bị đơn ông Lê Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày: ông thừa nhận có cùng với bà D (vợ ông) ký hợp đồng tín dụng với Qũy tín dụng B để vay số tiền 500.000.000đ, khi vay có thế chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 12/HĐKT-NTB ngày 16/3/2012, lô số 02, đường số 06, nền số 3,4 diện tích 172,5m^2, đất ở đô thị tọa lạc tại khóm X, thị trấn T giữa ông Lê Văn H đứng tên chủ quyền chuyển nhượng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M, đến nay vẫn chưa thanh toán vốn, lãi cho Quỹ tín dụng. Tuy nhiên việc vay nợ nầy ông cho rằng vay dùm cho bà Trần Minh N, đồng thời vào ngày 25/9/2017 bà Trần Minh N có làm việc với Quỹ tín dụng B có lập biên bản và thừa nhận số nợ vay nầy là của bà được Quỹ tín dụng chấp nhận, nên ông không có trách nhiệm phải trả nợ cho Quỹ tín dụng B nữa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Minh Nvắng mặt tại phiên tòa có lời trình bày: Giữa bà với Quỹ tín dụng B có thống nhất số nợ 1.038.074.000đ theo biên bản ngày 25/9/2017, nhưng trong biên bản nầy không thể hiện chi tiết số nợ nầy như thế nào, nay Quỹ tín dụng B có bảng kê chi tiết số nợ 1.038.074.000đ mà bà thừa nhận nợ với Quỹ tín dụng B tại biên bản làm việc ngày 25/09/2017 gồm các khoản nhận nợ như sau: Nhận nợ của bà Nguyễn Thị Th 533.842.700đ; nhận nợ của ông Võ Văn N 169.427.000đ; nhận nợ của bà Lê Thị T 334.804.300đ bà cũng đồng ý, không có số nợ của ông Lê Văn H trong biên bản nầy.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân B khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh D trả dứt điểm một lần tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn chưa thanh toán cho đến khi thanh toán dứt điểm tiền vốn vay, tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn hoặc bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số GD: 0101 ngày 26/8/2013 là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 12/HĐKT-NTB ngày 16/3/2012, lô số 02, đường số 06, nền số 3,4 diện tích 172,5m^2, đất ở đô thị tọa lạc tại khóm X, thị trấn T giữa ông Lê Văn H đứng tên chủ quyền chuyển nhượng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa đương sự nhưng ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh D đã được Tòa án triệu tập hai lần nhưng đều không có mặt, nên Tòa án tiếp tục giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Quỹ tín dụng B vẫn giữ nguyên yêu cầu.

XÉT THẤY :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn vay và lãi còn nợ, xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại **khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015**. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh D, bà Trần Minh N vắng mặt tuy đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b **khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số số 1074CTC13 ngày 27/8/2013 được ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân B với ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh D trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[2.2] Theo thoả thuận hợp đồng, Quỹ tín dụng nhân dân B cho ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh D vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 13 tháng, lãi suất trong hạn 1,3%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1.95%/tháng, thời hạn trả cuối cùng ngày 27/9/2014. Trong quá trình vay vốn phía ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh D không có trả lãi và vốn cho Quỹ tín dụng, hiện còn nợ tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/8/2013 đến ngày

18/7/2018 (ngày xét xử) là 542.533.000đ, cộng chung vốn lãi là 1.042.533.000đ (*một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ba mươi ba ngàn đồng*). Ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh D đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay khi đến hạn và không trả tiền lãi như đã thỏa thuận, Quỹ tín dụng nhân dân B khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ.

[2.3] Đối với việc ông Lê Văn H cho rằng ông thừa nhận có cùng với bà D (vợ ông) vay tiền của Quỹ tín dụng B, nhưng là vay dùm cho bà Trần Minh N, tại biên bản bản làm việc ngày 25/9/2017 giữa bà N với Quỹ tín dụng B, bà N thừa nhận nợ 1.038.074.000đ với Quỹ tín dụng B trong đó có phần nợ vay của ông nên ông không còn trách nhiệm trả nợ nữa. Xét về yêu cầu nầy của ông thấy rằng tại bảng kê chi tiết ngày 10/01/2018 do Quỹ tín dụng B lập, cũng như sự xác nhận của bà Trần Minh N tại biên bản ghi nhận việc không tiến hành hòa giải được thì số tiền 1.038.074.000đ là bà N nhận nợ thay cho các người cụ thể như sau: Nhận nợ của bà Nguyễn Thị T 533.842.700đ; nhận nợ của ông Võ Văn N169.427.000đ; nhận nợ của bà Lê Thị T 334.804.300đ, trong đó không có khoản nợ của ông H vay. Mặc khác ông đã thừa nhận vay của Quỹ tín dụng B thì ông phải có trách nhiệm thanh toán nợ vay, không thể đổ trách nhiệm cho một người khác được. Nếu ông cho rằng ông vay dùm cho bà N thì ông có thể khởi kiện bà N bằng một vụ án khác, không chuyển giao nghĩa vụ trả nợ trong vụ án nầy được. Do đó yêu cầu của ông không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp tài sản của Quỹ tín dụng nhân dân B đối với tài sản thế chấp của ông H, bà D là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 12/HĐKT-NTB ngày 16/3/2012, lô số 02, đường số 06, nền số 3,4 diện tích 172,5m^2, đất ở đô thị tọa lạc tại khóm X, thị trấn T giữa ông Lê Văn H đứng tên chủ quyền chuyển nhượng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M. Thấy rằng diện tích đất ở đô thị nầy chỉ mới được hình thành từ hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M với ông H, phía ông H cũng chưa được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo luật đất đai hiện hành, nên hợp đồng chuyển nhượng nầy không phải là cơ sở pháp lý để chứng minh các diện tích đất ở đô thị nầy là tài sản của ông H, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất nhất là quyền thế chấp. Vì vậy Quỹ tín dụng nhân dân B lấy các diện tích đất nầy để làm tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay cho ông H là hoàn toàn không đúng với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu duy trì tài sản thế chấp của Quỹ tín dụng nhân dân B mà phải hủy bỏ hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn hoặc bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số GD: 0101 ngày 26/8/2013 là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 12/HĐKT-NTB ngày 16/3/2012, lô số 02, đường số 06, nền số 3,4 diện tích 172,5m^2, đất ở đô thị tọa lạc tại khóm X, thị trấn T giữa ông Lê Văn H đứng tên chủ quyền chuyển nhượng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M và buộc Quỹ tín dụng nhân dân B phải giao trả lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên cho ông Lê Văn H là phù hợp.

[3] Về án phí: Ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch tính trên số tiền phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân B.

Quỹ tín dụng nhân dân B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466,Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 , *Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của **Quỹ tín dụng nhân dân B**.

Buộc Ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh D có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân B tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 18/7/2018 (ngày xét xử) là 542.533.000đ, cộng chung vốn lãi là 1.042.533.000đ (*một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ba mươi ba ngàn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng phải điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Hủy hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn hoặc bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số GD: 0101 ngày 26/8/2013 là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 12/HĐKT-NTB ngày 16/3/2012, lô số 02, đường số 06, nền số 3,4 diện tích 172,5m^2, đất ở đô thị tọa lạc tại khóm X, thị trấn T giữa ông Lê Văn H đứng tên chủ quyền chuyển nhượng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M.

Buộc Quỹ tín dụng nhân dân B phải trả lại cho ông Lê Văn H hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số12/HĐKT-NTB ngày 16/3/2012, lô số 02, đường số 06, nền số 3,4 diện tích 172,5m^2, đất ở đô thị tọa lạc tại khóm X, thị trấn T giữa ông Lê Văn H đứng tên chủ quyền chuyển nhượng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.637.000 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Quỹ tín dụng nhân dân B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.509.000 đồng (mười tám triệu năm trăm lẽ chín ngàn đồng) theo biên lai thu số TU/2015/0011312 ngày 12/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TB (02**);**
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Chi Cục Thi hành án DS huyện TB (01);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Phạm Tấn Tài